

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/10/2019

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Viết Thống.

2. Ông Mai Xuân Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 462/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị D – Sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 78, thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D1 - Sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 78, thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:***

Bà D và ông Nguyễn Văn D1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thành phố B), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/12/1998.

Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, gia đình không có hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D1.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Minh H1 – sinh năm 1999. Hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn D1:** Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là ông Nguyễn Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông D1 là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn D1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thành phố B), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/12/1998. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa bà D và ông D1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như bà D xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, gia đình không có hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân được một thời gian dài, từ năm 2003 đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2019, đại diện chính quyền địa phương xác định hiện nay ông D1 và bà D đã ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn đoàn tụ nên việc cho đương sự ly hôn là cần thiết và phù hợp với thực tế.

Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với ông D1 là có cơ sở cần chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Minh H – sinh năm 1999. Hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Hồ Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn D1.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh H – sinh ngày 23/3/1999, đã đủ tuổi thành niên nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/ 2019/ 0001748 ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***

***(Đã ký)***

**Lê Đình Thanh**